

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-PT  
Ngày: 08 - 12 - 2020  
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lương Tiến Phương.

***Các Thẩm phán:*** Bà Hoàng Thị Hòa và ông Nguyễn Trọng Đoàn.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Giáp Thị Bích Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên:*** Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DSTC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐ-PT ngày 20/11/2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm: 1973 và bà Kiều Kim O, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: Tổ dân phố AB (nay là tổ dân phố CD) phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H:*** Bà Kiều Kim O, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ dân phố AB (nay là tổ dân phố CD) phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (theo Giấy ủy quyền ngày 22/6/2020), có mặt.

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1979; Quê quán: Khu A, xã V, thị xã P, tỉnh P; địa chỉ cũ: Đội EF, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nơi làm việc cũ: Đại đội AB, phòng T, Bộ C, tỉnh Điện Biên (thuộc tổ dân phố GH, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên). Nơi làm việc hiện nay: Ban C huyện M, tỉnh Điện Biên, có mặt.

**3. Người làm chứng:**

**3.1.** Bà Vũ Ái L, sinh năm: 1982; nơi làm việc: Phòng C, tỉnh Điện Biên, vắng mặt;

3.2. Bà Nguyễn Thúy V, sinh năm: 1983; địa chỉ: Số nhà OP, tổ KL, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Nơi làm việc: Sư XYZ Quân khu M, vắng mặt;

3.3. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm: 1976; Nơi làm việc: Phòng T, Bộ T, quân khu M, vắng mặt.

**4. Người kháng cáo:** Bị đơn bà Nguyễn Thị S.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Mạnh H và bà Kiều Kim O trình bày:**

Năm 2019, do có mối quan hệ quen biết, tin cậy ông Nguyễn Mạnh H và bà Kiều Kim O cho bà Nguyễn Thị S, công tác tại: Đại đội AB, phòng T, Bộ C, tỉnh Điện Biên nhiều lần vay tiền với tổng số tiền là 1.780.000.000 đồng, cụ thể như sau:

*Lần 1:* Ngày 20/02/2019 cho vay 790.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất 18%/1 năm, chỉ viết “*Giấy vay tiền*”, bà S đã nhận đủ số tiền 790.000.000 đồng và ký vào mục người vay rồi giao giấy cho bà O.

*Lần 2:* Ngày 05/3/2019 cho vay 890.000.000 đồng; thời hạn vay là 01 năm, lãi suất 18%/1 năm; bà S đã nhận đủ số tiền 890.000.000 đồng và viết “*Giấy vay tiền*”, ký vào mục người vay rồi giao giấy cho bà O. Đến ngày 15/3/2020 ông H, bà O và bà S đã đến Phòng C, tỉnh Điện Biên lập thành hợp đồng vay tiền, công chứng cùng ngày, hợp đồng ghi: “*Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện và không có sự công chứng của Công chứng viên*” vì bà S đã nhận tiền trước đó.

*Lần 3:* Ngày 20/3/2019 cho vay 100.000.000 đồng; thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất 18%/1 năm; bà S đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng và viết “*Giấy vay tiền*” đồng thời ký vào bên người vay rồi giao giấy cho bà O.

Hàng tháng bà S đã trả tiền lãi theo thỏa thuận cho bà O bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng, tổng cộng tiền lãi và gốc bà S đã trả cho bà O là 425.000.000 đồng; ông Nguyễn Anh T (bạn bà S) chuyển vào tài khoản của bà O 34.000.000 đồng, đưa trực tiếp cho bà O 30.000.000 đồng. Tổng số tiền bà S đã trả cho bà O là 489.000.000 đồng (cả tiền gốc và lãi) nhưng nay do điều kiện của bà S khó khăn về kinh tế nên ông H, bà O trừ số tiền gốc và lãi trên vào số tổng số tiền gốc 1.780.000.000 đồng; bà S còn nợ lại ông H, bà O số tiền là: 1.291.000.000 đồng tiền gốc; ông H bà O khởi kiện yêu cầu bà S phải trả số tiền này, không yêu cầu tính lãi. Tại đơn khởi kiện, ông H, bà O yêu cầu bà S trả số tiền 1.780.000.000 đồng, nay ông H, bà O rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 489.000.000 đồng và chỉ yêu cầu bà S phải trả số tiền gốc còn lại là 1.291.000.000 đồng.

**2. Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án và trong quá trình xét xử Bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:**

Bà S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà O. Thực tế bà S chỉ vay của ông H, bà O tổng số tiền là 890.000.000 đồng gồm: Vay ngày 20/02/2019 là 780.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng và vay ngày 20/3/2019

là 100.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng như ông H bà O đã trình bày.

Còn đối với số tiền 890.000.000 đồng có “Giấy vay tiền” đề ngày 05/3/2019 bà S là người viết và ký giấy vay tiền, rồi đưa lại giấy cho bà O nhưng thực chất bà S không được nhận khoản tiền này.

Ngày 15/3/2019, bà S và bà O, ông H có đến Phòng C, tỉnh Điện Biên làm hợp đồng với tổng số vay tiền là 890.000.000 đồng, đây là tổng số tiền của 02 giấy vay (ngày 20/02/2019 và 20/3/2019) nói trên. Nhưng bà S không lấy lại giấy vay tiền đề ngày 20/02/2019 (bà S đã đưa cho công chứng viên bà Vũ Ái L, sau đó bà L đưa lại giấy này cho bà O). Còn giấy vay tiền ngày 20/3/2019 là bà S viết sau ngày hai bên ký hợp đồng tại Phòng C, tỉnh Điện Biên, vì số tiền 100 triệu đồng là bà S nhận sau.

Bà S đã chuyển khoản trả cho bà O 425.000.000 đồng và bà S trả tiền mặt cho bà O là 304.000.000 đồng, nhưng khi trả tiền mặt trực tiếp hai bên không làm giấy tờ về việc trả. Số tiền bà S đã trả cho bà O, bà O tự ghi vào sổ của bà O nên bà S không có tài liệu, chứng cứ nộp cho Tòa án. Mặc dù không có chứng cứ nhưng đối với số tiền bà S đã trả trực tiếp cho bà O có những người làm chứng cụ thể sau: Số tiền 80.000.000 đồng bà S trả cho bà O có bà Nguyễn Thúy V làm chứng, số tiền còn lại 224.000.000 đồng bà S trả cho bà O có ông Nguyễn Anh T làm chứng (*Trong số tiền này ông T đưa trực tiếp cho bà O 30.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản của bà O số tiền 34.000.000 đồng, số tiền còn lại là 160.000.000 đồng ông T đưa cho bà S để bà S trả cho ông H, bà O*). Tổng số tiền gốc bà S đã trả cho ông H, bà O là 729.000.000 đồng, hiện tại bà S còn nợ ông H, bà O số tiền là 161.000.000 đồng, bà S nhất trí trả cho ông H, bà O.

### **3. Những người làm chứng trình bày:**

3.1 Tại Đơn đề nghị ngày 07/8/2020 bà Vũ Ái L trình bày: Bà L không chứng kiến việc hai bên giao tiền cho nhau mà chỉ công chứng những nội dung đã ghi trong hợp đồng theo quy định; bà S không đưa giấy vay nợ gốc nào cho bà L để bà L đưa cho bà O như bà S đã trình bày.

3.2 Tại Đơn xin trình bày sự việc không đề ngày, tháng, năm bà Nguyễn Thúy V trình bày: Bà V không biết việc các bên cho nhau vay tiền, cũng không biết việc các bên trả nợ cho nhau thế nào.

3.3 Tại Bản xác nhận ngày 12/8/2020 ông Nguyễn Anh T trình bày: Ông T trả hộ bà S trực tiếp cho ông H, bà O số tiền 30.000.000 đồng và chuyển vào số tài khoản của bà O số tiền là 34.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 160.000.000 đồng ông T đã đi vay hộ cho bà S để bà S trả cho bà O (số tiền này ông T đưa trực tiếp cho bà S). Tổng số tiền ông T đã trực tiếp trả cho ông H, bà O và đưa cho bà S để trả cho bà O là 224.000.000 đồng.

**Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DSTC-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân (sau đây viết tắt là TAND) thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã quyết định:**

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 489.000.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H và bà Kiều Kim O: Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả cho ông Nguyễn Mạnh H và bà Kiều Kim O số tiền gốc là: 1.291.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Ngày 22/9/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị S kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DSTC-ST ngày 08/9/2020 của TAND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, với lý do: Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đòi số tiền 1.780.000.000 đồng. Thực tế bị đơn chỉ vay của nguyên đơn tại giấy vay ngày 20/02/2019 là 790.000.000 đồng và giấy vay ngày 20/3/2019 là 100.000.000 đồng, sau đó, ngày 15/3/2019 ra công chứng viết gộp thành một Hợp đồng vay tiền là 890.000.000 đồng.*

Tại phiên tòa phúc thẩm Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên có ý kiến về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị S nộp trong hạn luật định là hợp lệ. Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị S thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H, bà Kiều Kim O là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2020/DSTC-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về áp dụng pháp luật:**

Ngày 18/5/2020, ông Nguyễn Mạnh H và bà Kiều Kim O nộp đơn khởi kiện tại TAND thành phố Đ đối với bà Nguyễn Thị S, nơi công tác: Đại đội AB, phòng T, Bộ C, tỉnh Điện (thuộc tổ dân phố GH, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên). Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” là phù hợp với khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt: BLTTDS) và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S nằm trong hạn luật định phù hợp với các Điều 271, Điều 272, Điều 273, khoản 2 Điều 284 của BLTTDS năm 2015, kháng cáo hợp lệ nên được xem xét, giải quyết.

**[2]. Về nội dung kháng cáo:**

Bà Nguyễn Thị S kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DSTC-ST ngày 08/9/2020 của TAND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên với lý do: Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các Nguyên đơn về việc yêu cầu Bị đơn phải trả số tiền 1.780.000.000 đồng. Thực tế Bị đơn chỉ vay của Nguyên đơn tại giấy vay ngày 20/02/2019 là 790.000.000 đồng và giấy vay ngày 20/3/2019 là 100.000.000 đồng, sau đó, ngày 15/3/2019 ra Phòng C, tỉnh Điện Biên viết gộp thành một Hợp đồng vay tiền là 890.000.000 đồng.

[2.1]. Các đương sự đều thừa nhận bà S có vay tiền của bà O, ông H nhiều lần, các lần vay tiền **đều do bà S trực tiếp viết giấy vay và ký nhận vào mục người vay**. Cụ thể: Giấy vay tiền đề ngày 20/02/2019 với số tiền vay là 790.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng; Giấy vay tiền đề ngày 05/3/2019 với số tiền vay là 890.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng và Giấy vay tiền đề ngày 20/3/2019 với số tiền vay là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng.

Tuy nhiên, bà S cho rằng bà chỉ vay của ông H, bà O tổng số tiền là 890.000.000 đồng của hai giấy vay ngày 20/02/2019 và ngày 20/3/2019. Còn Giấy vay tiền ngày 05/3/2019 thì các bên đương sự đã ra Phòng C, tỉnh Điện Biên viết thành Hợp đồng vay tiền ngày 15/3/2019 là của hai giấy vay (ngày 20/02/2019 và ngày 20/3/2019) chứ không phải là vay của bà O, ông H với tổng số tiền là 1.780.000.000 đồng như Đơn khởi kiện của Nguyên đơn. Quá trình vay nợ bà S đã trả cho bà O, ông H với tổng số tiền là 729.000.000 đồng. Hiện tại bà S còn nợ lại bà O, ông H tổng số tiền là 161.000.000 đồng.

HĐXX thấy rằng về thời điểm vay tiền: Bà S cho rằng số tiền vay 890.000.000 đồng của giấy vay ngày 05/3/2019 và đã ra Phòng C, tỉnh Điện Biên làm Hợp đồng vay ngày 15/3/2019 thực chất đây là là Hợp đồng vay của hai tờ giấy vay ngày 20/02/2019 và ngày 20/3/2019 gộp lại. Bà S không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là có cơ sở. Như vậy, lời khai của bà S là không có căn cứ. Bởi vì: Số tiền vay 100.000.000 đồng của ngày 20/3/2019 không thể gộp vào số tiền vay 790.000.000 đồng của ngày 20/02/2019 thành số tiền vay 890.000.000 đồng của ngày 05/3/2019 (ra công chứng thành hợp đồng vay ngày 15/3/2019). Xét về thời điểm vay là không phù hợp (không thể vay ngày **20/3/2019** để gộp lại vào ngày **05/3/2019**).

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm khẳng định bà Nguyễn Thị S đã vay tổng số tiền 1.780.000.000 đồng của bà Kiều Kim O, ông Nguyễn Mạnh H là có cơ sở.

**[2.2]. Xét về khoản tiền đã trả:**

- Theo như bà Kiều Kim O trình bày bà S mới trả được cho bà tổng số tiền là 489.000.000 đồng (cả gốc và lãi). Trong đó: Nhận chuyển khoản từ bà S là

425.000.000 đồng, nhận tiền mặt và nhận chuyển khoản từ ông T (bạn bà S) là 64.000.000 đồng (nhận tiền mặt 30.000.000 đồng, nhận chuyển khoản là 34.000.000 đồng) là có cơ sở chấp nhận (các bút lục số 56 - 62). Nay bà O đã đối trừ số tiền này vào số tiền gốc, chỉ buộc bà S trả 1.291.000.000 đồng tiền gốc đã vay.

- Tại đơn giải trình đề ngày 25/7/2020 bà Nguyễn Thị S trình bày trong tổng số tiền đã vay của bà O chỉ là 890.000.000 đồng thì bà S đã trả cho bà O tổng số tiền là 892.000.000 đồng. Trong đó: Chuyển khoản là 425.000.000 đồng; trả trực tiếp và chuyển khoản qua điện thoại là 467.000.000 đồng (BL số 65). Còn tại phiên tòa sơ thẩm ngày 08/9/2020 bà S lại khai đã trả cho bà O với tổng số tiền là 729.000.000 đồng. Trong đó: Bà S chuyển khoản là 425.000.000 đồng, trực tiếp đưa cho bà O 80.000.000 đồng có bà V làm chứng; ông T (bạn bà S) trả trực tiếp cho bà O 30.000.000 đồng và chuyển tiền qua tài khoản cho bà O 34.000.000 đồng; số tiền còn lại là 160.000.000 đồng ông T đưa cho bà S để trả ông H bà O. Tuy nhiên, việc bà S trả cho bà O số tiền 80.000.000 đồng theo bà S khai có bà V cùng chứng kiến nhưng bà V không thừa nhận (bút lục số 98), còn số tiền 160.000.000 đồng ông T đưa cho bà S để bà S trả cho bà O thì cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh.

Như vậy, số tiền bà S đã trả cho bà O với tổng số tiền là 489.000.000 đồng là có căn cứ (các bút lục số 56 - 62).

Từ những phân tích, đánh giá tại mục [2.1] và [2.2] nêu trên, HĐXX phúc thẩm xác định Tòa án cấp sơ thẩm khẳng định bà Nguyễn Thị S có vay của bà Kiều Kim O và ông Nguyễn Mạnh H với tổng số tiền là 1.780.000.000 đồng; bà S đã trả được 489.000.000 đồng; còn lại số tiền chưa trả là 1.291.000.000 đồng là có cơ sở. Do vậy, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DSTC-ST ngày 08/9/2020 của TAND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

**[3]. Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa:** Là có căn cứ nên được chấp nhận.

**[4]. Về án phí:** Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị S không được chấp nhận buộc bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 15/2020/DSTC-ST ngày 08/9/2020 của TAND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 147, 148 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 2 Điều 468

Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

**Tuyên xử:**

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 489.000.000 đồng (*bốn trăm tám mươi chín triệu đồng*).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H và bà Kiều Kim O: Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả cho ông Nguyễn Mạnh H và bà Kiều Kim O số tiền gốc là: 1.291.000.000 đồng (*một tỷ hai trăm chín mươi một triệu đồng*).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Mạnh H và bà Kiều Kim O cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bà Nguyễn Thị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**4. Án phí:**

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 50.730.000 đồng (*năm mươi triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho ông Nguyễn Mạnh H và bà Kiều Kim O 32.700.000 đồng (*ba mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí có giá ngạch đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000077 ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

4.2. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tại biên lai số AA/2020/0000301 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ.

5. Về Thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án Dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 08/12/2020).

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Phòng HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Lương Tiến Phương**





